CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Long Hậu

Ngày 30/09/2025	30,650 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**1.8%**	**-6.2%**

DT thuần
Q3/25
112
tỷ VNĐ
QoQ: ▼111| -49.7%
YoY: ▲ 21.3| 23.7%

LN thuần
Q3/25
56.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.5| -49.6%
YoY: ▲ 12.0| 27.0%

LN sau thuế
Q3/25
46.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.7| -48.7%
YoY: ▲ 4.00| 9.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
53.5%
YoY: +/-▲ 1.8%

ROE (TTM)
Q3/25
17.1%
YoY: +/-▼ 0.2%

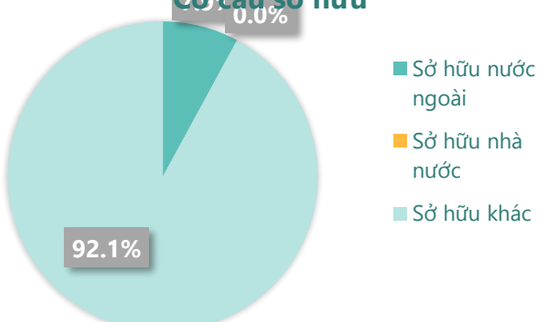
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,007 - 35,978
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,533
Số lượng CPLH (CP)	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145,305
Sở hữu nước ngoài	7.9%
Beta	0.94
EPS	5,815
P/E	5.3

DT thuần
9T 2025
569
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 240| 73.1%

LN thuần
9T 2025
304
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 139| 83.9%

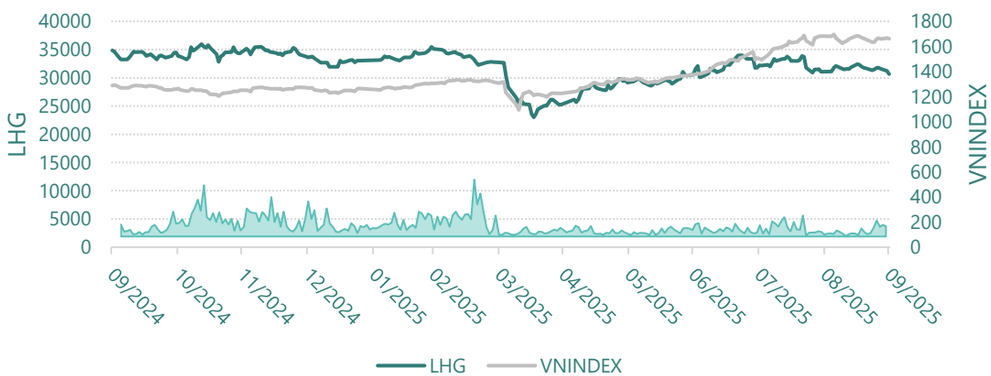
LN sau thuế
9T 2025
246
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 107| 77.0%

Cơ cấu sở hữu

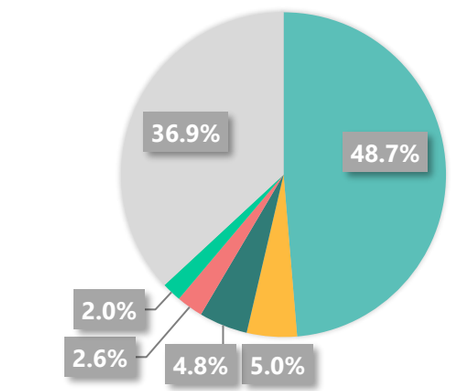


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

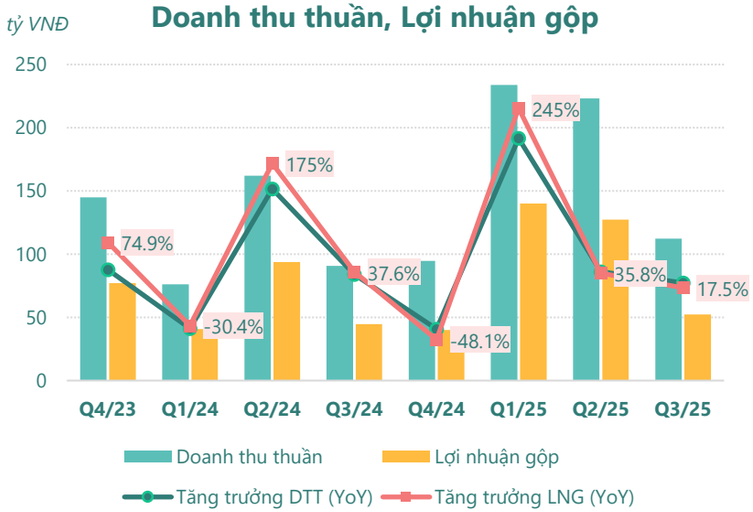


- Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp Tân Thuận
- Kingsmead Vietnam and Indochina Growth Master Fund
- Lumen Vietnam Fund
- KITMC Worldwide Vietnam RSP Balanced Fund
- CTCP Khu công nghiệp Hiệp Phước
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

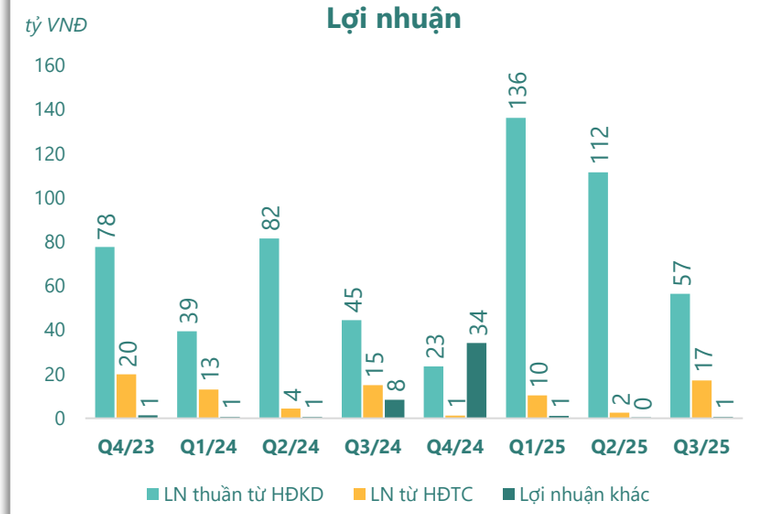
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



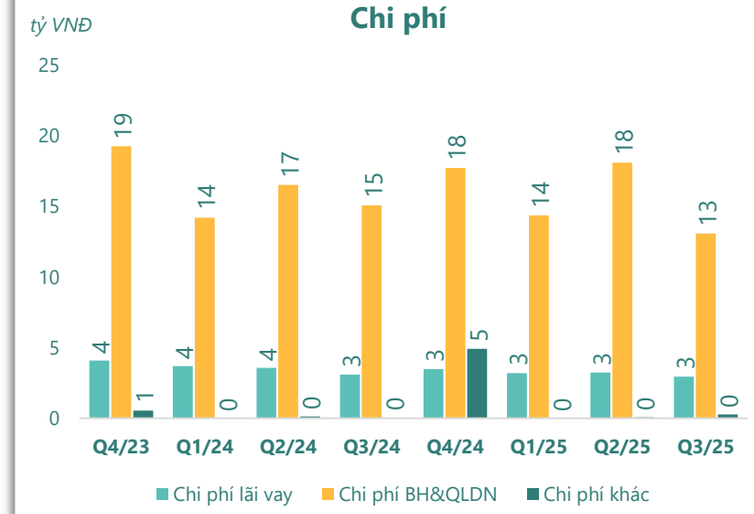
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



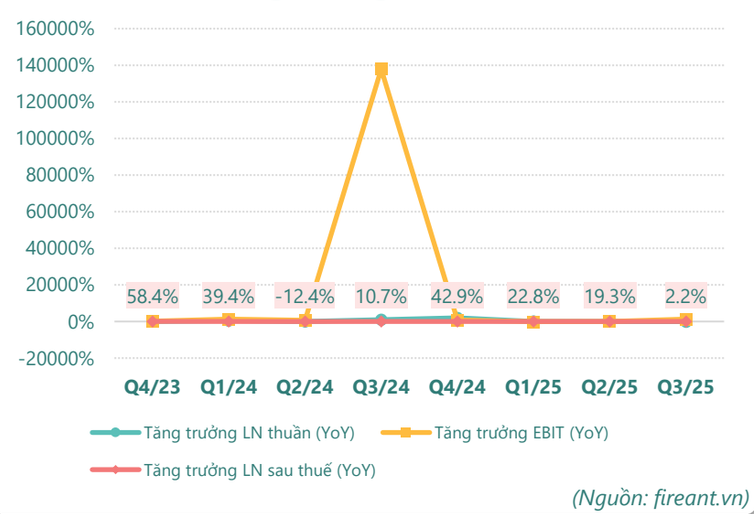
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



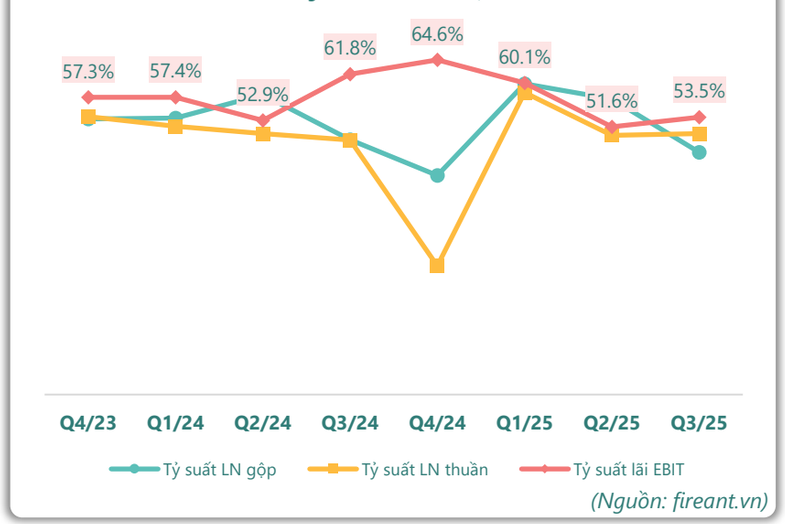
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



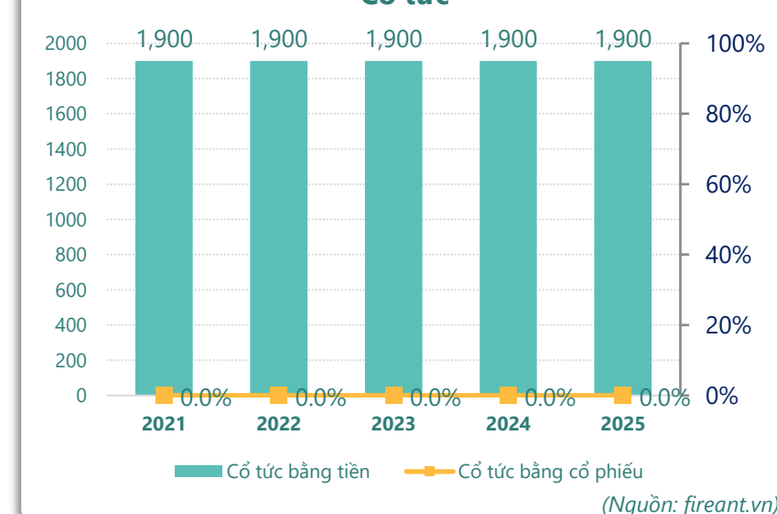
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

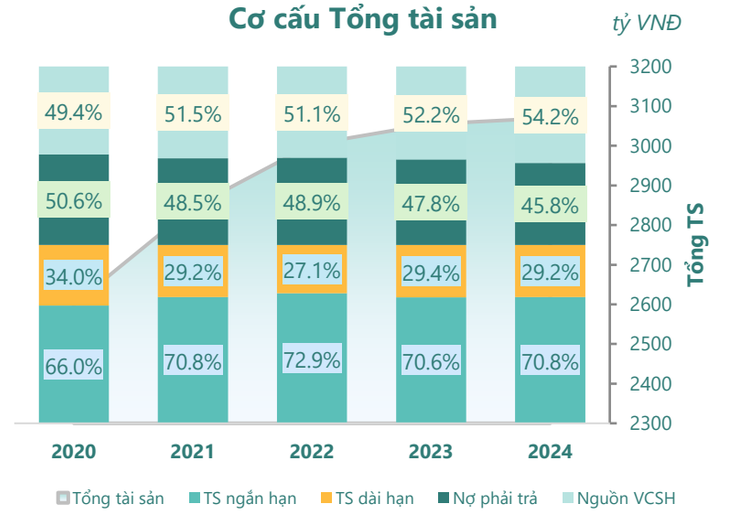
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

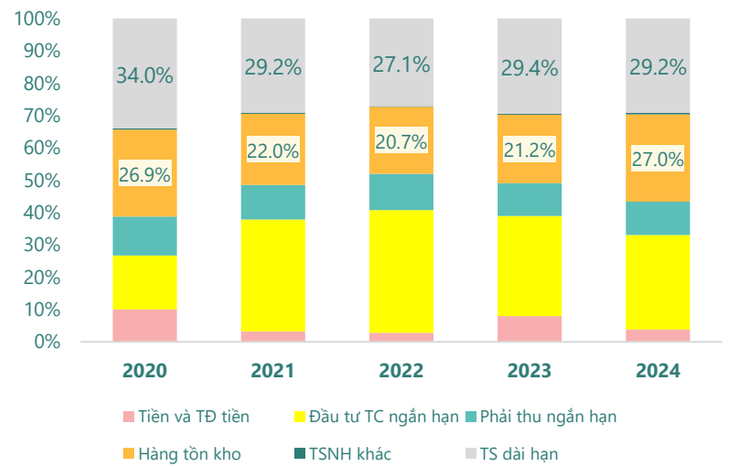
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



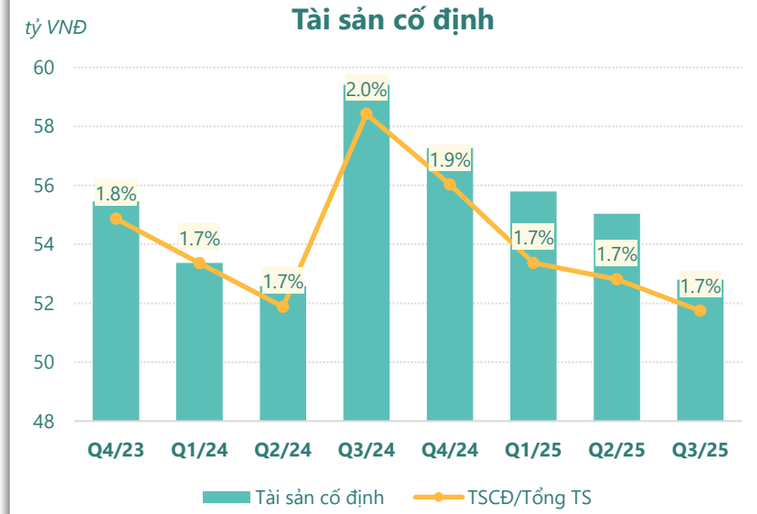
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



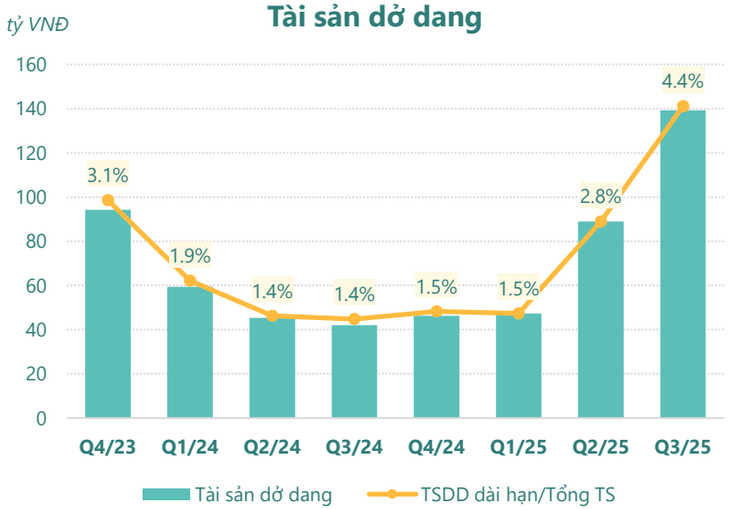
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



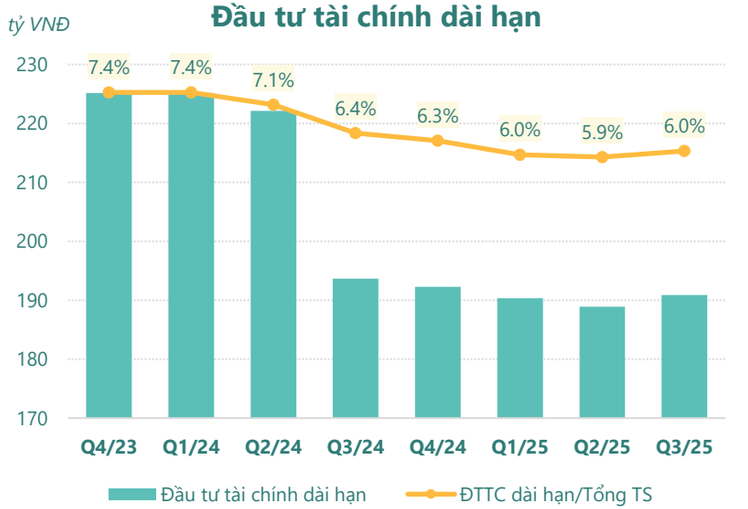
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



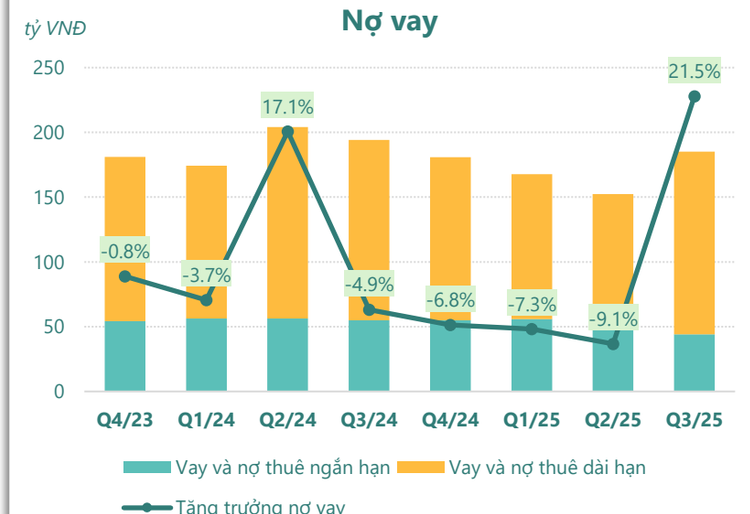
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

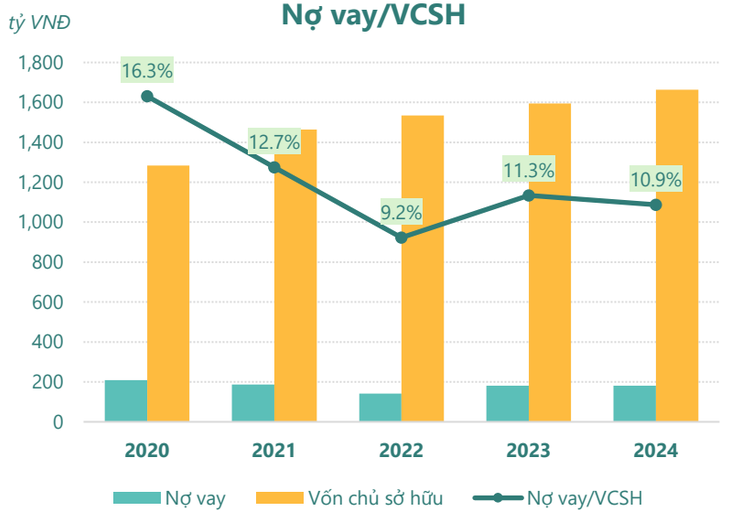
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

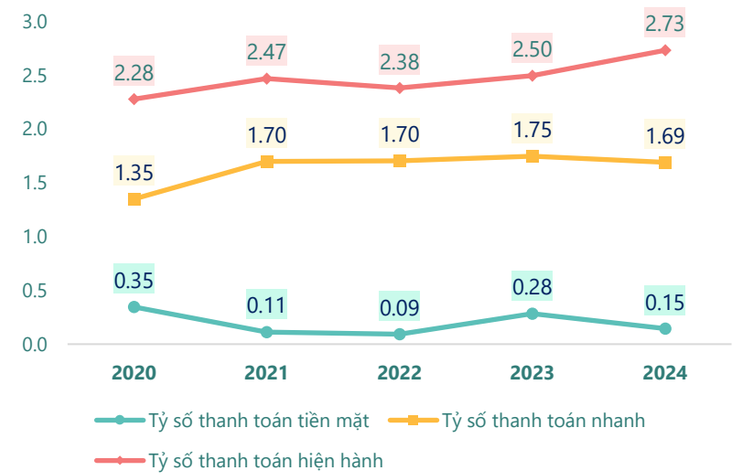
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



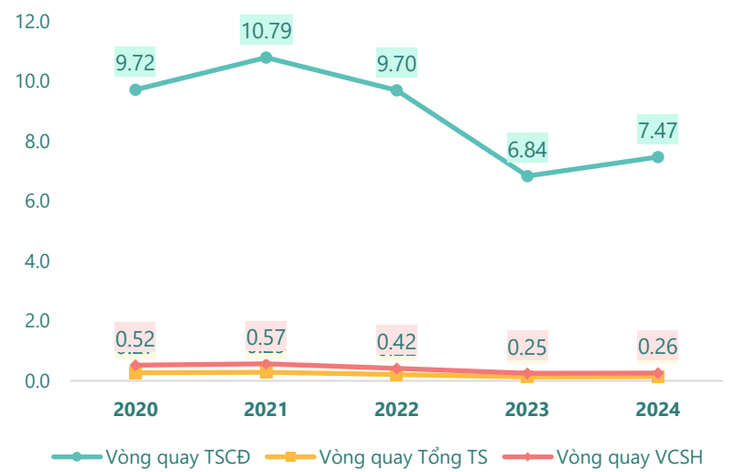
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



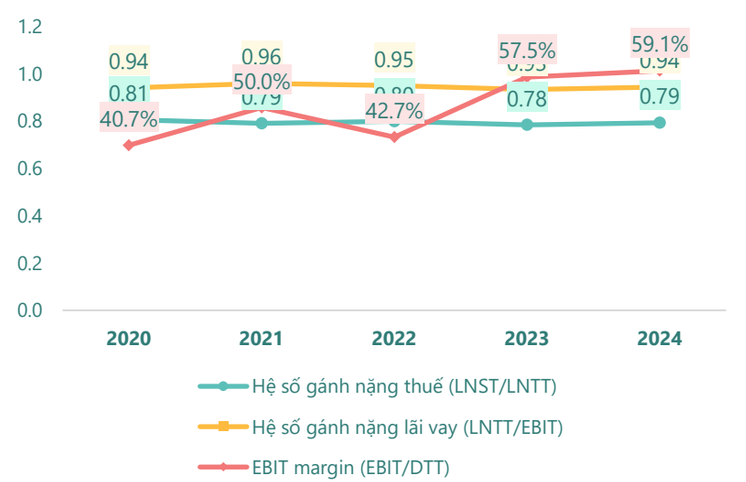
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



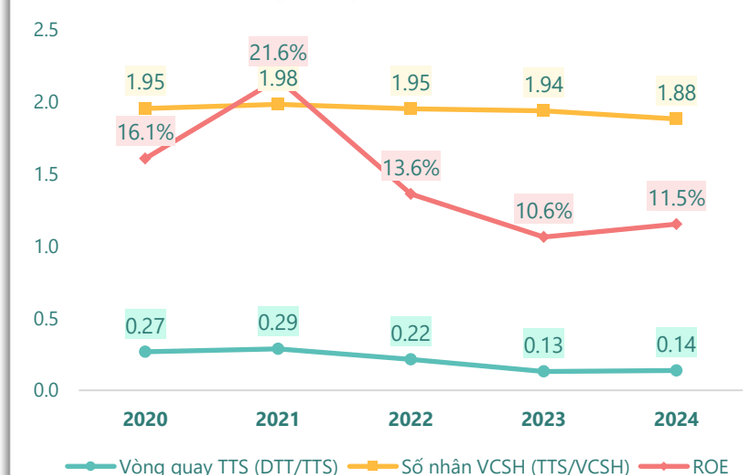
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



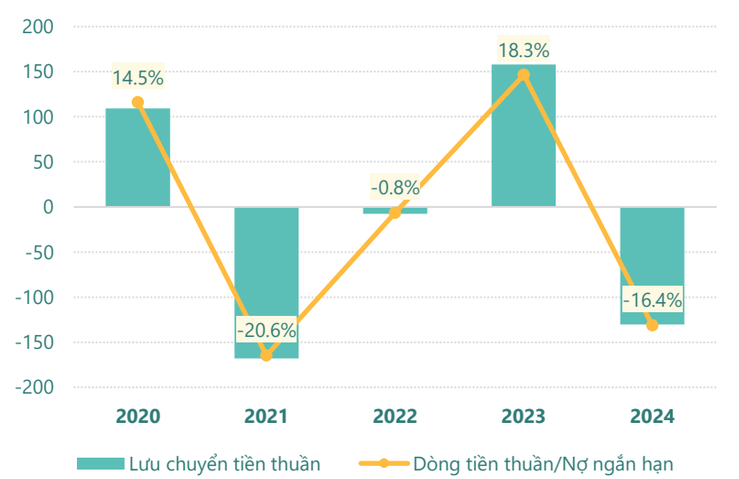
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**112**	**90.7**	**23.7%**	**569**	**329**	**73.1%**
Giá vốn hàng bán	59.8	46.1	29.7%	249	150	66.3%
Lợi nhuận gộp	52.4	44.6	17.5%	320	179	78.7%
Doanh thu HĐTC	18.2	23.8	-23.6%	40.9	51.5	-20.5%
Chi phí TC	0.96	8.77	-89.0%	10.8	19.0	-43.3%
Chi phí lãi vay	2.96	3.10	-4.7%	9.40	10.4	-9.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.43	0.77	-44.5%	5.79	3.87	49.7%
Chi phí QLDN	**12.7**	**14.3**	**-11.4%**	**39.8**	**42.0**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	56.5	44.5	27.0%	304	165	83.9%
Lợi nhuận khác	**0.55**	**8.44**	**-93.5%**	**2.10**	**9.58**	**-78.1%**
LN trước thuế	57.1	53.0	7.7%	306	175	75.0%
Lợi nhuận sau thuế	**46.1**	**42.1**	**9.5%**	**246**	**139**	**77.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**46.1**	**42.1**	**9.5%**	**246**	**139**	**77.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	63.6	33.9	116	109	59.1	6.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	62.8	-108	-56.2	-88.9	-38.8	27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.8	-104	-13.4	-13.2	-15.3	-62.2
Tiền đầu kỳ	89.3	247	69.6	116	122	128
Lưu chuyển tiền thuần	**156**	**-178**	**46.0**	**6.65**	**5.03**	**-28.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.83	0	0.13	0	0.92	0
Tiền cuối kỳ	247	69.6	116	122	128	99.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,159**	**3,070**	**2.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,219	2,172	2.1%
Tiền và tương đương tiền	99.7	116	-13.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	917	900	1.9%
Phải thu ngắn hạn	387	316	22.4%
Hàng tồn kho	803	828	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	13.5	0.3%
Tài sản dài hạn	**940**	**898**	**4.7%**
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	52.8	57.9	-8.9%
Bất động sản đầu tư	509	551	-7.7%
Tài sản dở dang	139	46.3	201%
Đầu tư tài chính dài hạn	191	192	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**44.2**	**46.6**	**-5.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,368	1,407	-2.8%
Nợ ngắn hạn	**718**	**795**	**-9.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.2	54.9	-19.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.1	31.2	-35.4%
Nợ dài hạn	650	612	6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	141	126	11.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,790**	**1,663**	**7.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,790**	**1,663**	**7.7%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)